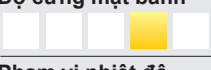
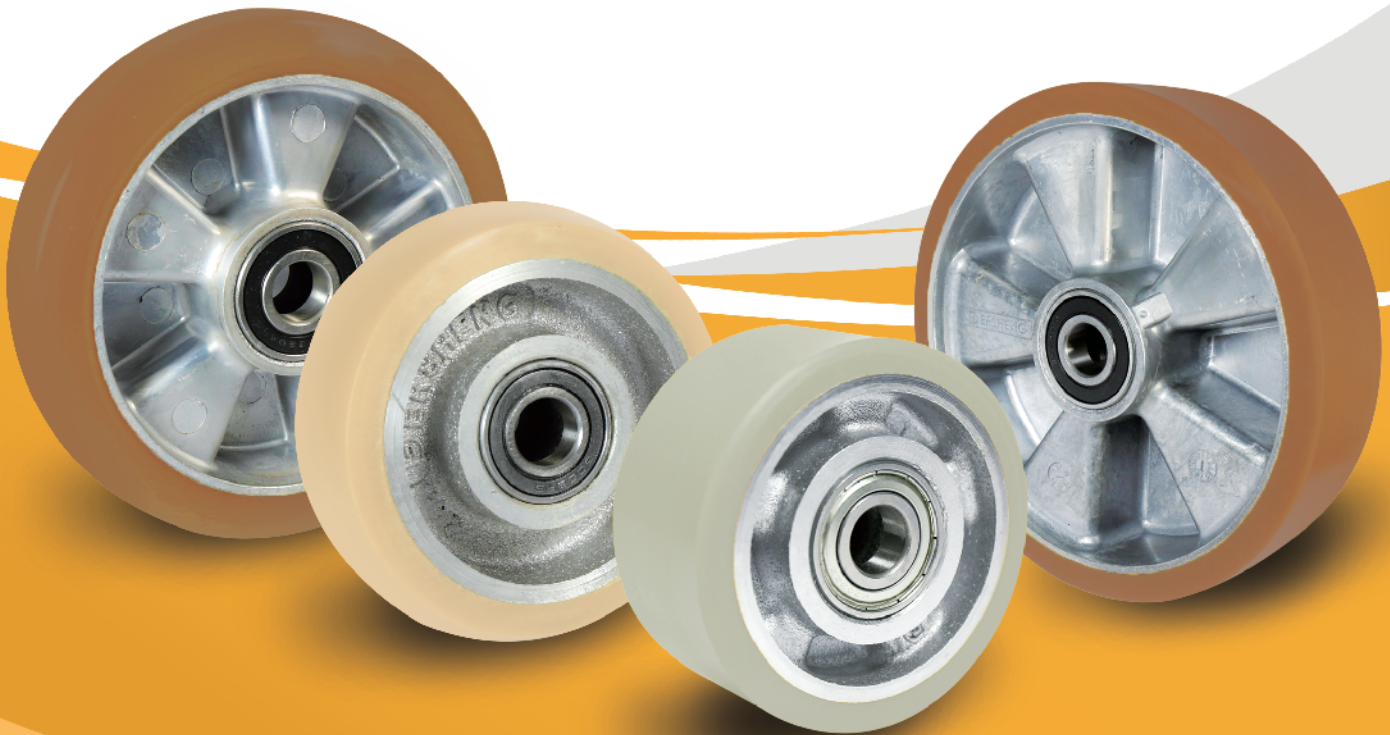


Series APU-VulkoTough

Bánh xe tải nặng

Bọc VulkoTough + Lõi nhôm

	Độ cứng mặt bánh		94° shore A
	Phạm vi nhiệt độ		-40°C to +80°C
	Độ di chuyển mượt mà		Tuyệt vời
	Âm lượng		Rất Tốt
	Bảo vệ mặt sàn		Rất Tốt



Mặt bánh

Bánh xe VulkoTough của Dersheng được sản xuất từ công nghệ PU Desmodur Covestro tiên tiến của thế giới. Là bánh xe có khả năng chịu tải tốt khi chuyển động, đồng thời có lực đàn hồi tốt sau khi tải nặng trong thời gian dài. Đây là lựa chọn hàng đầu cho bánh xe tải nặng và cho bánh xe sử dụng trong công nghiệp. Ngoài ra, bánh xe còn có tính ổn định nhiệt tốt khi làm việc ở môi trường có nhiệt độ cao.

Đặc điểm

- Kháng hóa chất, dung môi và ăn mòn
- Chống đâm thủng
- Chịu mài mòn
- Lực cản lăn thấp
- Nhiệt độ môi trường thích hợp: -40°C~+80°C
- Sử dụng trong điều kiện thông thường, không cần bảo trì

Lõi bánh xe

Lõi nhôm



Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D) [mm]	Bề rộng bánh xe (T2) [mm]	Tải trọng [kg(lbs)]	Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm]	Độ dài trục bánh (T1) [mm]	Mặt bánh	Ổ lăn
12036503135171	80	30	180kgs (396lbs)	12	32	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12036503135271	80	30	180kgs (396lbs)	15	32		
12036504135171	100	31	230kgs (507lbs)	15	32		
12036504135271	100	31	230kgs (507lbs)	17	32		
12036504155171	100	36	325kgs (716lbs)	12	36		
12036504155271	100	36	325kgs (716lbs)	15	36		
12036504155371	100	40	350kgs (771lbs)	12	40		
12036504155471	100	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036505135171	125	31	280kgs (617lbs)	15	32		
12036505135271	125	31	280kgs (617lbs)	17	32		
12036505135371	125	40	350kgs (771lbs)	15	40		
12036505135471	125	40	350kgs (771lbs)	17	40		
12036506185171	150	42	450kgs (992lbs)	17	42		
12036506185271	150	42	450kgs (992lbs)	20	42		
12036556185171	160	42	500kgs (1102lbs)	17	42		
12036556185271	160	42	500kgs (1102lbs)	20	42		
12036507185171	180	44	600kgs (1323lbs)	20	44	Bề mặt phẳng	
12036507185271	180	44	600kgs (1323lbs)	25	44		
12036508205171	200	50	800kgs (1764lbs)	20	50		
12036508205271	200	50	800kgs (1764lbs)	25	50		
12036504205171	100	50	300kgs (661lbs)	17	50		
12036504205271	100	50	300kgs (661lbs)	20	50		
12036505205171	125	50	450kgs (992lbs)	17	50		
12036505205271	125	50	450kgs (992lbs)	20	50		
12036506205171	150	50	500kgs (1102lbs)	17	50		
12036506205271	150	50	500kgs (1102lbs)	20	50		
12036556205171	160	50	550kgs (1213lbs)	17	50		
12036556205271	160	50	550kgs (1213lbs)	20	50		
12036508205371	200	50	800kgs (1764lbs)	20	50		
12036508205471	200	50	800kgs (1764lbs)	25	50		

